

Bản án số: 272/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bà Bùi Thị Thu Nhi

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 278/2024/TLST-DS ngày 18/6/2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: A L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (xin vắng);

Địa chỉ: 1 ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Luật sư Trương Thị Thanh T – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quang K là bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Ông K có cho bà Nguyễn Thị Q vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 25/5/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, có biên nhận do bà Q viết và ký tên. Thỏa thuận thời hạn trả 03 ngày kể từ khi vay. Tới hạn trả tiền bà Q không có tiền trả vốn nên xin ông cho bà đóng lãi 1%/tháng. Bà Q chưa trả vốn cho ông, trả lãi đến tháng 04/2023 thì ngưng.

Ngày 19/5/2023 vay số tiền 300.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền công chứng số 5064 ngày 19/5/2023 tại Văn phòng C. Thỏa thuận thời hạn trả 03 tháng kể từ khi vay, lãi suất 1%/tháng. Sau khi vay thì bà Q không trả vốn lãi theo thỏa thuận.

Tổng cộng bà Q còn nợ ông K số tiền là 400.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu Tòa án giải quyết

Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông K số tiền: Vốn: 400.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng tính từ ngày 19/5/2023 đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 12 tháng x 1.66%/tháng x 400.000.000 đồng = 79.680.000 đồng.

Tổng cộng vốn lãi tạm tính là 479.680.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngày 26/8/2024, ông K có đơn xin rút lại yêu cầu số tiền 100.000.000 đồng ngày 25/5/2022. Chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông K số tiền 300.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng tính từ ngày 19/5/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của ông K hai lần tổng là 400.000.000 đồng. Vay có ra công chứng là 300.000.000 đồng và vay 100.000.000 đồng có làm biên nhận viết tay. Nhưng số tiền trên bà Q đã chuyển khoản và trả tiền mặt hết rồi. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật còn bị đơn không chấp hành quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Nguyễn Thị Thu S và bà Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông K yêu cầu bà Q trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu Tòa án buộc bà Q trả 400.000.000 đồng tiền vay nhưng trong quá trình giải quyết ông K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng ngày 25/5/2022 và 150.000.000 đồng ngày 19/5/2023. Chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Q trả 150.000.000 đồng của ngày 19/5/2023. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông K là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông K về phần đòi số tiền 100.000.000 đồng ngày 25/5/2022 và 150.000.000 đồng ngày 19/5/2023. Nếu sau này ông K khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông K số tiền 150.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông K là “*Hợp đồng vay tiền*” do nguyên đơn cung cấp được công chứng tại Văn phòng C ngày 19/5/2023. Việc vay tiền trên cũng được bà Q thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa ông K và bà Q đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 [Bộ luật Dân sự năm 2015](#)

Tại phiên tòa, bị đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 30/9/2024 bà Nguyễn Thị Q trình bày bà thừa nhận có vay 300.000.000 đồng như ông K trình bày. Nay ông K chỉ yêu cầu bà trả số tiền 150.000.000 đồng bà đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” nên Hội đồng xét xử buộc bà Q phải trả 150.000.000 đồng tiền gốc cho ông K theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[6] Về lãi suất: Trong hợp đồng vay tiền ngày 19/5/2023 có nội dung “*lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (không vượt quá quy định của pháp luật)*”. Tại bản tự khai ngày 30/9/2024 cả hai bên đều thống nhất lãi suất là 0.83%/tháng đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, tính lãi từ khi vay (ngày 19/5/2023) đến ngày xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông K. Cụ thể số tiền lãi là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 39.840.000 \text{ đồng}$ trừ đi số tiền lãi bà Q đã đóng được 7.000.000 đồng. Số tiền lãi còn lại là 32.840.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Q phải trả cho ông K là: $150.000.000 \text{ đồng} + 32.840.000 \text{ đồng} = 182.840.000 \text{ đồng}$

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật

Tổ tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K đối với số tiền 100.000.000 đồng ngày 25/5/2022 và số tiền 150.000.000 đồng ngày 19/5/2023 đối với bà Nguyễn Thị Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K.

Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông K số tiền:

Gốc: 150.000.000 (ba trăm triệu đồng)

Lãi: 32.840.000 đồng

Tổng cộng là 182.840.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 9.142.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Trần Quang K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.594.000 đồng theo biên lai thu tiền số 6286 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HĐXX

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Hồng Nhung Bùi Thị Thu Nhi

Lê Thị Liên